

Số: /KH-UBND

Thành Vinh, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển Hạ tầng số trên địa bàn xã Thành Vinh năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 12/02/2026 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026. Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030. Công văn số 718/SKHCN-BCVT ngày 09/3/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Thanh Hóa.

UBND xã Thành Vinh ban hành Kế hoạch phát triển Hạ tầng số trên địa bàn xã Thành Vinh năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, chỉ tiêu về phát triển hạ tầng số trên địa bàn xã năm 2026 theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, internet băng rộng và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; nâng cao khả năng kết nối, truy cập và sử dụng các dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp, phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã.

- Nâng cao nhận thức, kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân; thúc đẩy việc sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử và chữ ký số trong các hoạt động quản lý nhà nước và đời sống xã hội.

- Tăng cường sự phối hợp giữa UBND xã với các doanh nghiệp viễn thông trong việc đầu tư, phát triển và khai thác hiệu quả hạ tầng viễn thông, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

- Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, cải thiện chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu:

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ phát triển hạ tầng số theo chỉ đạo của tỉnh, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Các phòng chuyên môn của UBND xã, các thôn và các đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ trong quá trình tổ chức thực hiện, chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển hạ tầng số năm 2026.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cộng đồng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai đầu tư, phát triển hạ tầng viễn thông, internet băng rộng trên địa bàn, góp phần mở rộng phạm vi phủ sóng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng hạ tầng số, phục vụ hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và nhu cầu của người dân.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2026

1. Tỷ lệ phổ cập mạng cáp quang đến hộ gia đình:

- Phần đầu đạt 80% số hộ gia đình trên địa bàn xã được tiếp cận và sử dụng mạng internet cáp quang băng rộng.

2. Tỷ lệ phủ sóng mạng di động 5G:

- Phần đầu đạt 65% dân số trên địa bàn xã được phủ sóng mạng di động băng rộng 5G.

3. Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s:

- Phần đầu đạt 80% người dân trên địa bàn có khả năng truy nhập internet băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.

4. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin:

- 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã được triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

5. Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử:

- Phần đầu đạt 70% công dân từ đủ 14 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản định danh điện tử.

6. Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử:

- Phần đầu đạt 34.5% người dân trưởng thành trên địa bàn xã có chữ ký số

hoặc chữ ký điện tử (*có phụ lục chi tiết kèm theo*).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người lao động và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của hạ tầng số trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã.

- Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển hạ tầng viễn thông, internet băng rộng, chuyển đổi số, giúp người dân hiểu rõ lợi ích của việc sử dụng các dịch vụ số trong đời sống.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền như:

+ Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã;

+ Thông qua các hội nghị, cuộc họp thôn;

+ Tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, nhóm Zalo của thôn;

+ Lòng ghép trong các hoạt động sinh hoạt cộng đồng tại khu dân cư.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số như: dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, tài khoản định danh điện tử, chữ ký số cá nhân.

- Tổ chức các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số cơ bản, giúp người dân từng bước tiếp cận và sử dụng hiệu quả internet, các ứng dụng số phục vụ học tập, sản xuất, kinh doanh và đời sống.

- Khuyến khích người dân tích cực sử dụng internet băng rộng, các dịch vụ số và nền tảng số, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Phát triển hạ tầng viễn thông, internet.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn rà soát hiện trạng hạ tầng viễn thông, internet; đánh giá mức độ phủ sóng và khả năng cung cấp dịch vụ internet băng rộng tại các khu dân cư để xây dựng phương án mở rộng, nâng cấp hạ tầng phù hợp.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai đầu tư, xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng viễn thông, trạm phát sóng di động, tuyến cáp quang và các thiết bị kỹ thuật phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông mở rộng mạng cáp quang đến hộ gia đình, phấn đấu nâng cao tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận và sử dụng dịch vụ internet băng rộng chất lượng cao.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông triển khai phủ sóng mạng di động băng

rộng 4G, 5G, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng phạm vi phủ sóng trên địa bàn xã.

- Rà soát, phối hợp xử lý các khu vực có chất lượng sóng yếu hoặc chưa được phủ sóng di động, bảo đảm người dân có thể tiếp cận và sử dụng dịch vụ viễn thông, internet thuận lợi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng, tăng tốc độ truy cập internet, đáp ứng nhu cầu sử dụng internet tốc độ cao phục vụ học tập, làm việc, sản xuất kinh doanh và sử dụng các dịch vụ số của người dân.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý, bảo vệ hạ tầng viễn thông trên địa bàn; bảo đảm việc phát triển hạ tầng viễn thông, internet đúng quy hoạch, an toàn và hiệu quả.

3. Phát triển hạ tầng phục vụ chính quyền số.

- Duy trì, nâng cấp và khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin tại UBND xã, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

- Bảo đảm hệ thống mạng của UBND xã kết nối ổn định với mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, phục vụ việc trao đổi, xử lý văn bản điện tử và khai thác các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của xã theo quy định; tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành của UBND xã; sử dụng hiệu quả các hệ thống phần mềm dùng chung như hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản điện tử và giải quyết thủ tục hành chính, từng bước giảm sử dụng văn bản giấy, nâng cao hiệu quả xử lý công việc.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin của cơ quan xã, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số.

4. Thúc đẩy sử dụng dịch vụ số trong người dân.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số, nền tảng số trong đời sống, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Phối hợp với Công an xã triển khai cấp và kích hoạt tài khoản định danh điện

tử cho người dân, phấn đấu đạt chỉ tiêu tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử theo kế hoạch của tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, khai thác các tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ thiết yếu.

- Tuyên truyền, vận động người dân đăng ký và sử dụng chữ ký số cá nhân, từng bước hình thành thói quen giao dịch điện tử trong thực hiện các thủ tục hành chính và các giao dịch trực tuyến.

- Hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết trên môi trường mạng.

- Khuyến khích người dân sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong các hoạt động mua bán, thanh toán dịch vụ, góp phần phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng và các thôn, đoàn thể trong việc trực tiếp hỗ trợ, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số.

5. Rà soát, đánh giá hạ tầng số trên địa bàn

- Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, internet và hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn xã, bao gồm: mạng cáp quang, trạm phát sóng di động, hệ thống mạng internet tại các cơ quan, đơn vị và khu dân cư.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông cập nhật thông tin về mức độ phủ sóng mạng di động, mạng internet băng rộng, xác định các khu vực còn hạn chế về chất lượng dịch vụ hoặc chưa được phủ sóng để có giải pháp khắc phục.

- Thống kê, tổng hợp số liệu về các chỉ tiêu phát triển hạ tầng số trên địa bàn như:

- + Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng mạng cáp quang;

- + Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động băng rộng;

- + Tỷ lệ người dân có khả năng truy nhập internet tốc độ cao;

- + Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử và chữ ký số.

- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về phát triển hạ tầng số; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để đề xuất giải pháp tháo gỡ.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình phát triển hạ tầng số trên địa bàn xã theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

- Cập nhật, bổ sung dữ liệu về hạ tầng số phục vụ công tác quản lý nhà nước và làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số trong những năm tiếp theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND – UBND.

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu về phát triển hạ tầng viễn thông, internet, hạ tầng phục vụ chính quyền số và các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số của xã.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, internet trên địa bàn; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc để tham mưu UBND xã chỉ đạo giải quyết.

- Tham mưu UBND xã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh.

2. Công an xã.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan triển khai cấp và kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho công dân trên địa bàn theo chỉ tiêu được giao; hướng dẫn người dân sử dụng các tiện ích của ứng dụng định danh điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch trực tuyến.

- Phối hợp với UBND xã và các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động người dân tham gia sử dụng các dịch vụ số, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn.

- Tham gia bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng, kịp thời phát hiện, phòng ngừa và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động trên không gian mạng.

- Phối hợp với các bộ phận chuyên môn trong việc rà soát, cập nhật và khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư, phục vụ công tác quản lý nhà nước và triển khai các dịch vụ công trực tuyến.

- Phối hợp với các thôn và Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng các ứng dụng số, đặc biệt là các nền tảng phục vụ công tác quản lý và giải quyết thủ tục hành chính.

3. Phòng Văn hóa – Xã hội.

- Là bộ phận tham mưu giúp UBND xã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển hạ tầng số năm 2026 trên địa bàn xã.

- Chủ trì phối hợp với các bộ phận chuyên môn, các thôn và các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển hạ tầng số theo nội dung kế hoạch.

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu về phát triển hạ tầng viễn thông, internet, hạ tầng phục vụ chính quyền số và các chỉ tiêu chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trong việc rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, internet, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để tham mưu UBND xã chỉ đạo giải quyết.

- Chủ trì tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất tham mưu UBND xã báo cáo UBND cấp trên theo quy định.

- Tham mưu UBND xã lồng ghép các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số với các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của địa phương, bảo đảm triển khai đồng bộ và hiệu quả.

4. Phòng Kinh tế.

- Hướng dẫn trong việc rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, internet, xác định nhu cầu đầu tư, nâng cấp hạ tầng số trên địa bàn.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông khảo sát, quy hoạch, phát triển hạ tầng viễn thông, bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật và mỹ quan đô thị.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai phát triển hạ tầng viễn thông, internet trên địa bàn; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp kiểm tra việc xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng viễn thông trên địa bàn bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

5. Các thôn.

- Phối hợp với UBND xã trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về phát triển hạ tầng số và chuyển đổi số đến người dân trên địa bàn.

- Vận động người dân sử dụng internet băng rộng, các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử và các dịch vụ số khác phục vụ đời sống và giao dịch hành chính.

- Phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các ứng dụng số, nâng cao kỹ năng số cơ bản cho người dân.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông khảo sát, triển khai lắp đặt và phát triển hạ tầng viễn thông, internet trên địa bàn theo quy định.

- Phối hợp cung cấp thông tin, tham gia rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, internet tại khu dân cư, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc để UBND xã xem xét, giải quyết.

- Phối hợp thực hiện báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ liên quan đến phát triển hạ tầng số trên địa bàn khi có yêu cầu.

6. Các doanh nghiệp viễn thông

- Chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp và phát triển hạ tầng viễn thông, internet băng rộng trên địa bàn xã, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân và phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông.

- Phối hợp với UBND xã và các đơn vị liên quan khảo sát, mở rộng mạng cáp quang đến các khu dân cư, từng bước nâng cao tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận và sử dụng internet băng rộng.

- Triển khai mở rộng phạm vi phủ sóng mạng di động băng rộng (4G, 5G), nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông, đặc biệt tại các khu vực có mật độ dân cư cao hoặc chất lượng sóng còn hạn chế.

- Phối hợp với UBND xã trong việc rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, kịp thời đề xuất giải pháp nâng cấp, phát triển hạ tầng nhằm đáp ứng yêu

cầu chuyển đổi số trên địa bàn.

- Thực hiện việc xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng viễn thông theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, mỹ quan đô thị và phù hợp với quy hoạch.

- Phối hợp tham gia các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số, internet băng rộng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch phát triển Hạ tầng số trên địa bàn xã Thành Vinh năm 2026. Đề nghị các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN tỉnh Thanh Hóa;
- TTr Đảng ủy, HĐND (Đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT.UBND;
- BCD phát triển KHCN, ĐMST, chuyển đổi số và đề án 06;
- Các phòng, ban, Trung tâm, đơn vị trên địa bàn xã;
- Các thôn; tổ công nghệ số cộng đồng;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Quang Duy

Phụ lục

NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THÀNH VINH 2026

(Ban hành kèm theo kế hoạch số: /KH-UBND, ngày /3/2026 của UBND xã Thành Vinh)

TT	Tên chỉ tiêu	UBND xã	Doanh nghiệp viễn thông	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
1	Tỷ lệ phủ cáp mạng cáp quang đến hộ gia đình	80%	85%	Số hộ sử dụng mạng cáp quang/Tổng số hộ gia đình	- Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh
2	Tỷ lệ phủ sóng mạng di động 5G trên dân số	65%	65%	Dân số trong vùng phủ sóng mạng di động băng rộng 5G/ Tổng dân số trên địa bàn	- Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s		65%	Số người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s/ Tổng dân số trên địa bàn tỉnh	- Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh
4	Hệ thống thông tin tại các cơ quan quản lý nhà nước triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đủ năng lực kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước	100%		Hệ thống thông tin	- Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh
5	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VneID mức độ 2)	70%		Tổng số công dân có tài khoản định danh điện tử/Tổng số công dân từ đủ 14 tuổi trở lên trên địa bàn	- Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	34.5%		Tổng số người dân trưởng thành có chữ ký số/Tổng số người dân trưởng thành trên địa bàn	- Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh